Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 51

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười tám (18) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Đỗ Xuân Diện	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Quang	Trưởng ban
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên
Ông Đặng Công Trực	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng kỳ kế toán năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đề ngày 9 tháng 4 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH

Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 9 tháng 4 năm 2020

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 61280353/21443463

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 9 tháng 4 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 25, trong năm Công ty đã ghi nhận một khoản thu nhập khác từ việc hoàn nhập số dư dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với tổng số tiền là 102.388.641 ngàn VND. Việc trích lập này đã được thực hiện trong các năm trước căn cứ vào quy định tại Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20"). Nếu Công ty không hoàn nhập chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong các năm tài chính trước đó theo quy định của NĐ 20, chỉ tiêu "Thu nhập khác" sẽ giảm với số tiền là 102.388.641 ngàn VND, lỗ trước thuế và lỗ sau thuế sẽ tăng với cùng số tiền là 102.388.641 ngàn VND. Đồng thời chỉ tiêu "Lỗ lũy kế" và chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ tăng với cùng số tiền là 102.388.641 ngàn VND.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn *"Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ"*, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Dương Lê Anthony	Thái Trọng Cang
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán	Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1	Số: 4139-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 4 năm 2020

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**5.400.395.101**	**4.509.971.413**
110	***I. Tiền***	***4***	***43.933.270***	***7.845.148***
111	1. Tiền		43.933.270	7.845.148
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***5.258.057.445***	***4.466.086.999***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	927.025.562	352.080.983
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.961.222.599	889.187.934
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	543.718.680	1.881.871.110
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.841.538.878	1.342.946.972
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(15.448.274)	-
140	***III. Hàng tồn kho***	***9***	***61.856.457***	***25.321.339***
141	1. Hàng tồn kho		66.375.143	25.752.653
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.518.686)	(431.314)
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***36.547.929***	***10.717.927***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		815.585	190.998
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	35.446.513	10.233.707
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	285.831	293.222
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**14.533.166.516**	**18.588.618.997**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***9.018.820.740***	***7.148.794.766***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	28	7.003.799.583	5.643.424.324
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	2.015.021.157	1.505.370.442
220	***II. Tài sản cố định***		***51.751.813***	***49.255.369***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	51.751.813	30.807.795
222	Nguyên giá		61.670.300	52.043.824
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(9.918.487)	(21.236.029)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	18.447.574
228	Nguyên giá		-	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	(29.749.611)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***18.547.792***	***-***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	18.547.792	-
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***13***	***5.438.496.853***	***11.386.830.002***
251	1. Đầu tư vào các công ty con		5.701.201.820	11.371.623.485
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	7.783.830
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(551.304.213)	(278.581.949)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***5.549.318***	***3.738.860***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		5.549.318	3.738.860
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**19.933.561.617**	**23.098.590.410**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**7.745.411.311**	**11.950.359.240**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***4.961.672.936***	***5.779.113.942***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	529.091.273	126.426.733
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	478.164.530	99.512.291
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	189.963	74.248
314	4. Phải trả người lao động		6.980.761	3.701.552
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	302.706.313	417.979.769
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	209.575.929	158.515.837
320	7. Vay ngắn hạn	19	3.434.964.167	4.972.903.512
330	***II. Nợ dài hạn***		***2.783.738.375***	***6.171.245.298***
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	16	237.837.713	337.190.031
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	754.133.163	973.804.631
338	3. Vay dài hạn	19	1.791.767.499	4.860.250.636
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**12.188.150.306**	**11.148.231.170**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***20***	***12.188.150.306***	***11.148.231.170***
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	8.868.438.950
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*11.085.538.950*	*8.868.438.950*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.064.550.810
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	105.576.190
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(67.515.644)	1.109.665.220
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*1.108.104.220*	*1.281.418.195*
421b	- *Lỗ trong năm*		*(1.175.619.864)*	*(171.752.975)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**19.933.561.617**	**23.098.590.410**

Trương Thị Trúc Thiên Trang	Phạm Xuân Hòa	Võ Thị Mỹ Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	21.1	**2.283.717.275**	**1.660.660.259**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	21.1	**-**	**-**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	21.1	**2.283.717.275**	**1.660.660.259**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	22, 26	**(2.188.797.705)**	**(1.477.941.521)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**94.919.570**	**182.718.738**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	21.2	**711.833.849**	**607.301.852**
22	**7. Chi phí tài chính**	23	**(1.743.604.513)**	**(770.304.442)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(633.907.437)*	*(554.862.319)*
25	**8. Chi phí bán hàng**	24, 26	**(252.800.057)**	**(73.547.066)**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	24, 26	**(71.431.459)**	**(122.182.622)**
30	**10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(1.261.082.610)**	**(176.013.540)**
31	**11. Thu nhập khác**	25	**102.975.446**	**18.878.851**
32	**12. Chi phí khác**	25	**(17.494.704)**	**(14.618.286)**
40	**13. Lợi nhuận khác**		**85.480.742**	**4.260.565**
50	**14. Tổng lỗ kế toán trước thuế**		**(1.175.601.868)**	**(171.752.975)**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	27.1	**(17.996)**	**-**
60	**16. Lỗ sau thuế TNDN**		**(1.175.619.864)**	**(171.752.975)**

Trương Thị Trúc Thiên Trang	Phạm Xuân Hòa	Võ Thị Mỹ Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lỗ kế toán trước thuế**		**(1.175.601.868)**	**(171.752.975)**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	10.450.881	7.846.366
03	Các khoản dự phòng		292.257.910	214.512.262
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.353.020)	526.043
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		141.590.612	(607.301.852)
06	Chi phí lãi vay	23	633.907.437	554.862.319
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(101.748.048)**	**(1.307.837)**
09	Tăng các khoản phải thu		(1.094.876.858)	(740.984.279)
10	Tăng hàng tồn kho		(40.622.490)	(12.182.052)
11	Giảm các khoản phải trả		(200.530.506)	(373.157.041)
12	Tăng chi phí trả trước		(2.435.045)	(2.464.381)
14	Tiền lãi vay đã trả		(693.029.425)	(814.890.246)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.1	(17.996)	-
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(2.133.260.368)**	**(1.944.985.836)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(19.399.933)	(2.876.583)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.758.593	113.925
23	Tiền chi cho vay		(602.347.281)	(1.816.332.854)
24	Tiền thu hồi cho vay		378.196.523	13.200.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	13.1	(2.158.828.594)	(7.783.830)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty con	13.1	6.993.691.293	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.3	5.189.220	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay		24.092.741	107.482.078
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**4.622.352.562**	**(1.706.197.264)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	5.130.633.605	5.773.438.123
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(7.583.636.548)	(2.138.827.463)
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính**		**(2.453.002.943)**	**3.634.610.660**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**36.089.251**	**(16.572.440)**
60	**Tiền đầu năm**		**7.845.148**	**24.413.533**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.129)	4.055
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**43.933.270**	**7.845.148**

Trương Thị Trúc Thiên Trang	Phạm Xuân Hòa	Võ Thị Mỹ Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2020

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười tám (18) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, năm (5) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)*
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động *(i)*	100,00
(9) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(12) Công ty Cổ phần An Đông Mia	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,90
(13) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	99,90
Chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
(14) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	

(i) Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 265 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 196).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp*

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đề ngày 9 tháng 4 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.175.619.864 ngàn VND và cũng tại ngày này, có khoản lỗ lũy kế tương ứng là 67.515.644 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty đã vi phạm điều khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.5 của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh điều khoản đã bị vi phạm của hợp đồng vay có liên quan. Hơn nữa, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO"), qua đó, THACO cam kết sẽ hỗ trợ Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 6 năm 2019, Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi ("Thadi"), qua đó, Thadi hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Công ty. Trên cơ sở này, Ban Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cở sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục..

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.
Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phi khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản mang lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.15 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	150.171	52.690
Tiền gửi ngân hàng	43.783.099	7.792.458
TỔNG CỘNG	**43.933.270**	**7.845.148**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ các bên liên quan *(Thuyết minh ("TM") số 28)*	679.101.562	89.534.110
Phải thu từ các bên thứ ba	247.924.000	262.546.873
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	*79.430.610*	*69.587.741*
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	*57.517.134*	*62.850.287*
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	*50.342.466*	*30.370.320*
- Khách hàng khác	*60.633.790*	*99.738.525*
TỔNG CỘNG	**927.025.562**	**352.080.983**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(15.448.274)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**911.577.288**	**352.080.983**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các bên liên quan *(TM số 28)*	1.935.692.571	862.491.237
Trả trước cho bên thứ ba	25.530.028	26.696.697
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	*4.067.500*	-
- Công ty TNHH Vitad	-	*2.700.000*
- Khác	*21.462.528*	*23.996.697*
TỔNG CỘNG	**1.961.222.599**	**889.187.934**

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cho vay ngắn hạn bên liên quan *(TM số 28)*	543.718.680	1.808.871.110
Cho vay ngắn hạn cá nhân	-	73.000.000
TỔNG CỘNG	**543.718.680**	**1.881.871.110**

8. PHẢI THU KHÁC

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**1.841.538.878**	**1.342.946.972**
Phải thu các bên liên quan từ việc cấn trừ công nợ	1.445.930.010	1.160.275.338
Chi hộ	170.595.337	44.058.960
Phải thu lãi cho vay	94.706.716	17.747.051
Phải thu cổ tức	-	19.507.500
Khác	130.306.815	101.358.123
Dài hạn	**2.015.021.157**	**1.505.370.442**
Phải thu lãi cho vay	1.856.864.651	1.505.370.442
Phải thu các bên liên quan từ việc cấn trừ công nợ	158.156.506	-
TỔNG CỘNG	**3.856.560.035**	**2.848.317.414**
Trong đó:		
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 28)	*2.015.021.158*	*1.505.370.442*
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 28)	*1.712.100.804*	*1.242.519.649*
Phải thu các bên thứ ba	*129.438.073*	*100.427.323*

9. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Hàng hóa	59.229.053	22.207.201
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.102.195	1.690.951
Công cụ, dụng cụ	2.053.298	1.808.481
Nguyên vật liệu	990.597	46.020
TỔNG CỘNG	**66.375.143**	**25.752.653**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.518.686)	(431.314)
GIÁ TRỊ THUẦN	**61.856.457**	**25.321.339**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	431.314	376.037
Dự phòng trích lập trong năm	4.087.372	55.277
Số cuối năm	4.518.686	431.314

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận chuyển*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.425.632	27.246.222	5.049.785	322.185	52.043.824
Mua mới	459.108	17.503.970	1.433.402	2.607.030	22.003.510
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	5.311.010	50.686	-	-	5.361.696
Xóa sổ tài sản đã khấu hao hết	-	(15.781.387)	-	-	(15.781.387)
Thanh lý	-	(1.957.343)	-	-	(1.957.343)
Số cuối năm	25.195.750	27.062.148	6.483.187	2.929.215	61.670.300
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	-	*1.137.975*	*281.274*	*1.419.249*
Khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	606.437	16.750.369	3.580.222	299.001	21.236.029
Khấu hao trong năm	1.865.940	1.791.192	674.693	136.059	4.467.884
Xóa sổ tài sản đã khấu hao hết	-	(15.781.387)	-	-	(15.781.387)
Thanh lý	-	(4.039)	-	-	(4.039)
Số cuối năm	2.472.377	2.756.135	4.254.915	435.060	9.918.487
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	18.819.195	10.495.853	1.469.563	23.184	30.807.795
Số cuối năm	22.723.373	24.306.013	2.228.272	2.494.155	51.751.813

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND

	Chương trình phần mềm
Nguyên giá	
Số đầu năm	48.197.185
Xóa sổ tài sản	(47.863.975)
Xóa sổ tài sản đã hao mòn hết	(333.210)
Số cuối năm	-
Hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	29.749.611
Hao mòn trong năm	5.982.997
Xóa sổ tài sản	(35.399.398)
Xóa sổ tài sản đã hao mòn hết	(333.210)
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	18.447.574
Số cuối năm	-

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí xây dựng kho đông lạnh	14.167.792	-
Chi phí phần mềm	4.380.000	-
TỔNG CỘNG	**18.547.792**	**-**

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư vào các công ty con *(TM số 13.1)*	5.701.201.820	11.371.623.485
Đầu tư vào công ty liên kết *(TM số 13.2)*	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(TM số 13.3)*	2.594.610	7.783.830
TỔNG CỘNG	**5.989.801.066**	**11.665.411.951**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(551.304.213)	(278.581.949)
GIÁ TRỊ THUẦN	**5.438.496.853**	**11.386.830.002**

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 *Đầu tư vào công ty con*

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	*Giá gốc đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết*	*Giá gốc đầu tư*	*Dự phòng*
		%	*Ngàn VND*	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*	*Ngàn VND*
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri *(*)*	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.987.719	-	100,00	943.513.645	-
Công ty Cổ phần An Đông Mia *(**)*	Trồng cây công nghiệp	99,90	882.881.000	-	99,50	878.881.001	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi bò	99,00	615.584.549	(371.226.441)	99,00	615.584.549	(90.195.948)
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Trồng cây công, nông nghiệp	97,77	440.512.398	-	97,77	440.512.398	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Trồng cây công, nông nghiệp và kinh doanh bất động sản	99,53	394.313.155	(80.077.772)	99,53	394.313.155	(43.236.413)
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav *(***)*	Trồng cây công nghiệp	100,00	222.893.439	-	100,00	171.654.457	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	(100.000.000)	100,00	100.000.000	(100.000.000)
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên *(****)*	Trồng cây công, nông nghiệp	-	-	-	99,91	3.277.737.120	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương *(****)*	Trồng cây công nghiệp	-	-	-	100,00	1.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Đông Pênh *(****)*	Trồng cây công nghiệp	-	-	-	99,70	798.397.600	(45.149.588)
TỔNG CỘNG			**5.701.201.820**	**(551.304.213)**		**11.371.623.485**	**(278.581.949)**

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(*) Vào ngày 16 tháng 9 năm 2019, Công ty đã tăng thêm giá trị đầu tư vào Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri bằng cách góp thêm vốn với số tiền là 474.074 ngàn VND.

(**) Vào ngày 1 tháng 3 năm 2019, Công ty đã mua thêm 80.000 cổ phiếu, tương đương 0,4% tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần An Đông Mia từ Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên, một công ty con của Công ty với giá mua là 4.000.000 ngàn VND . Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mia từ 99,50% lên 99,90% tại ngày này.

(***) Vào ngày 27 tháng 12 năm 2019, Công ty đã tăng thêm giá trị đầu tư vào Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav bằng cách góp thêm vốn với số tiền là 51.238.982 ngàn VND.

(****) Vào ngày 9 tháng 9 năm 2019, Công ty đã tăng thêm giá trị đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên ("Cao su Trung Nguyên") bằng cách góp thêm vốn với số tiền là 445.229.648 ngàn VND. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Cao su Trung Nguyên từ 99,91% lên 100,00% tại ngày này.

Vào ngày 17 tháng 5 năm 2019, Công ty đã tăng thêm giá trị đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("Cao su Đông Dương") bằng cách góp thêm vốn với số tiền là 533.600.000 ngàn VND.

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2019, Công ty đã mua thêm toàn bộ 28.125.000 cổ phiếu được phát hành mới từ Công ty Cổ phần Đông Pênh ("Đông Pênh"), với giá trị là 1.125.000.000 ngàn VND. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đông Pênh từ 99,70% lên 99,88% tại ngày này.

Vào ngày 24 tháng 9 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Cao su Trung Nguyên, Cao su Đông Dương và các công ty con, Đông Pênh và các công ty con cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Phân phối Nông nghiệp Thadi ("Thadi") theo Thỏa Thuận Hứa Mua bán Cổ phần - Phần vốn góp ngày 4 tháng 4 năm 2019. Các giao dịch chuyển nhượng này đã được thông qua bởi các Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1706/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 17 tháng 6 năm 2019, số 1908/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 19 tháng 8 năm 2019 và số 0909/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 9 tháng 9 năm 2019.

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	*Giá trị đầu tư*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết*	*Giá trị đầu tư*
		%	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	*Giá trị đầu tư*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết*	*Giá trị đầu tư*
		%	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng *(*)*	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	45,00	7.783.830

(*) Vào ngày 25 tháng 1 năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng 57.000 cổ phần, tương đương 30,00% tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng") cho Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên ("Nông nghiệp Tây Nguyên"), bên thứ ba, với giá chuyển nhượng là 5.189.220 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Cánh Đồng Vàng đã giảm từ 45,00% xuống 15,00% tại ngày này.

Cánh Đồng Vàng được mua nhằm mục đích nắm giữ dưới 20,00% theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1510/18/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 15 tháng 10 năm 2018.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả cho các bên liên quan *(TM số 28)*	447.126.156	78.673.343
Phải trả cho các bên thứ ba	81.965.117	47.753.390
- *Công ty TNHH Trường Thịnh*	*10.716.416*	-
- *Công ty TNHH MTV Minh Bình Gia Lai*	*1.278.350*	*13.973.835*
- *Khác*	*69.970.351*	*33.779.555*
TỔNG CỘNG	**529.091.273**	**126.426.733**

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nhận ứng trước của các bên liên quan *(TM số 28)*	446.006.630	90.877.166
Nhận ứng trước của các bên thứ ba	32.157.900	8.635.125
- *Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Long*	*27.500.000*	*945.250*
- *Công Ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh*	-	*5.921.550*
- *Khác*	*4.657.900*	*1.768.325*
TỔNG CỘNG	**478.164.530**	**99.512.291**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**302.706.313**	**417.979.769**
Chi phí hoạt động	152.450.400	152.450.400
Chi phí lãi vay	98.001.828	139.524.573
Khác	52.254.085	126.004.796
Dài hạn	**237.837.713**	**337.190.031**
Chi phí lãi vay	237.837.713	337.190.031
TỔNG CỘNG	**540.544.026**	**755.169.800**
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	*503.572.507*	*652.021.130*
Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 28)	*32.338.512*	*17.002.411*
Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 28)	*4.633.007*	*86.146.259*

17. PHẢI TRẢ KHÁC

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**209.575.929**	**158.515.837**
Phải trả các bên liên quan từ việc cấn trừ công nợ	190.938.404	-
Mượn tiền từ bên liên quan	11.823.581	147.685.000
Cổ tức phải trả	-	2.698.440
Phải trả khác	6.813.944	8.132.397
Dài hạn	**754.133.163**	**973.804.631**
Phải trả các bên liên quan từ việc cấn trừ công nợ	754.133.163	973.804.631
TỔNG CỘNG	**963.709.092**	**1.132.320.468**
Trong đó:		
Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 28)	*754.133.163*	*973.804.631*
Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 28)	*202.761.985*	*147.685.000*
Phải trả các bên khác	*6.813.944*	*10.830.837*

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Ngàn VND

	Số đầu năm	*Số tăng trong năm*	*Số giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	10.233.707	51.316.813	(26.104.007)	35.446.513
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(TM số 27)*	285.831	17.996	(17.996)	285.831
Thuế khác	7.391	-	(7.391)	-
TỔNG CỘNG	**10.526.929**	**51.334.809**	**(26.129.394)**	**35.732.344**
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	74.248	1.628.203	(1.512.488)	189.963
TỔNG CỘNG	**74.248**	**1.628.203**	**(1.512.488)**	**189.963**

19. VAY

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn bên liên quan *(TM số 19.1)*	2.824.672.082	1.729.600.000
Vay ngắn hạn ngân hàng *(TM số 19.2)*	599.732.981	599.911.828
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả *(TM số 19.5)*	10.559.104	5.281.825
Vay ngắn hạn trái phiếu chuyển đổi *(TM số 19.3)*	-	2.153.212.703
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả *(TM số 19.4)*	-	484.897.156
	3.434.964.167	4.972.903.512
Dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng *(TM số 19.5)*	986.506.665	992.100.178
Vay dài hạn bên liên quan *(TM số 19.6)*	805.260.834	2.314.922.876
Vay dài hạn trái phiếu *(TM số 19.4)*	-	1.553.227.582
	1.791.767.499	4.860.250.636
TỔNG CỘNG	**5.226.731.666**	**9.833.154.148**

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

Ngàn VND

	Vay ngắn hạn	*Vay dài hạn*	*Tổng cộng*
Số đầu năm	**4.972.903.512**	**4.860.250.636**	**9.833.154.148**
Tiền thu từ đi vay	3.976.963.806	1.153.669.799	5.130.633.605
Tiền trả nợ gốc vay	(3.764.066.196)	(3.819.570.352)	(7.583.636.548)
Hoán đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông *(*)*	(2.217.100.000)	-	(2.217.100.000)
Vay dài hạn đến hạn trả	401.636.220	(401.636.220)	-
Giá trị phân bổ phần giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	63.634.964	-	63.634.964
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	739.528	(1.055.762)	(316.234)
Chi phí phát hành trái phiếu	252.333	109.398	361.731
Số cuối năm	**3.434.964.167**	**1.791.767.499**	**5.226.731.666**

(*) Vào ngày 9 tháng 8 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 221.710.000 cổ phiếu phổ thông để hoán đổi 221.710 trái phiếu với tổng giá trị là 2.217.100.000 ngàn VND *(TM số 19.3 và 20.1)* thành cổ phiếu phổ thông. Việc phát hành trên đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0605/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0605-1/18/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3007/19/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 7 năm 2019.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 8.868.438.950 ngàn VND lên 11.085.538.950 ngàn VND. Vào ngày 26 tháng 8 năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, chấp thuận việc tăng vốn nói trên.

19. VAY (tiếp theo)

19.1 *Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 28)*

Chi tiết vay ngắn hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất* *%/ năm*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ					
Khoản vay ngày 1 tháng 10 năm 2018 *(*)*	781.218.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2020	6,00 - 8,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 7 tháng 1 năm 2019 *(*)*	381.080.000	Ngày 29 tháng 1 năm 2020	6,50 - 8,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 6 tháng 6 năm 2019 *(*)*	297.000.000	Ngày 7 tháng 6 năm 2020	8,00	Đầu tư trồng mới 7.000 ha chuối tại Lào và Campuchia	Tín chấp
Khoản vay ngày 26 tháng 11 năm 2018 *(*)*	202.250.000	Ngày 5 tháng12 năm 2019	6,50 - 8,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 18 tháng 2 năm 2019 *(*)*	180.174.000	Ngày 18 tháng 8 năm 2020	7,00 - 8,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 19 tháng 7 năm 2019	35.485.456	Ngày 19 tháng 7 năm 2020	10,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải, công ty có cùng thành viên HĐQT					
Khoản vay ngày 11 tháng 12 năm 2019	453.563.958	Ngày 11 tháng 12 năm 2020	9,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 6 tháng 6 năm 2019	224.000.000	Ngày 12 tháng 7 năm 2020	8,00	Đầu tư trồng mới 7.000 ha chuối tại Lào và Campuchia	Tín chấp
Khoản vay ngày 17 tháng 6 năm 2019	219.900.668	Ngày 4 tháng 12 năm 2020	8,00	Dự án Sân bay Nong Khang tại Tỉnh Huaphan, Lào	Tín chấp
Bà Kiều Ngọc Hoa - Cổ đông					
Khoản vay ngày 4 tháng 11 năm 2019	50.000.000	Ngày 4 tháng 2 năm 2020	14,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**2.824.672.082**				

(*) Các khoản nợ vay ngắn hạn từ HAG, bao gồm gốc và lãi vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, đã được tái cơ cấu thành khoản vay mới với thời hạn thanh toán đến 31 tháng 1 năm 2023, theo Hợp đồng Vay mới số 0102/2020/HĐV/HAGL-NNQT được ký kết ngày 1 tháng 2 năm 2020.

19. VAY (tiếp theo)

19.2 *Vay ngắn hạn ngân hàng*

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất* *%/năm*	*Mục đích*	*Tài sản đảm bảo*
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Tiên Phong ("TP Bank")					
Khoản vay ngày 21 tháng 4 năm 2017	599.732.981	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020	Lãi suất kỳ hạn 3 tháng tại TP Bank cộng biên độ 3,2%/năm (2019: 10,5 %/năm)	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây (chanh dây, chuối, thanh long) và mủ cao su	Tài sản của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia) đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tô nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185; 453,7 ha đất trồng trái cây tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng và 32.829.686 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG.

19. VAY (tiếp theo)

19.3 Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn

Vào ngày 9 tháng 8 năm 2019, HNG đã hoàn tất việc phát hành thêm 221.710.000 cổ phiếu phổ thông cho Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải và Trái chủ khác để chuyển đổi 221.710 trái phiếu với tổng giá trị là 2.217.100.000 ngàn VND. Việc phát hành trên đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0605/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0605-1/18/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3007/19/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 7 năm 2019.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 8.868.438.950 ngàn VND lên 11.085.538.950 ngàn VND. Vào ngày 26 tháng 8 năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, chấp thuận việc tăng vốn nói trên.

Chi tiết của khoản trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn như sau:

	Ngàn VND *Giá trị*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	
Giá trị vay chuyển đổi	2.217.100.000
Cấu phần vốn chủ sở hữu *(TM số 20.1)*	(105.576.190)
Cấu phần nợ gốc ghi nhận ban đầu	**2.111.523.810**
***Cộng*: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu**	**105.576.190**
Số đầu năm	41.941.226
Số phân bổ trong năm	63.634.964
Số cuối năm	105.576.190
Cơ cấu nợ gốc trước khi chuyển đổi	**2.217.100.000**
Hoán đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông *(TM số 20.1)*	(2.217.100.000)
Giá trị trái phiếu tại ngày cuối năm	**-**

19. VAY (tiếp theo)

19.4 *Vay dài hạn trái phiếu*

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày như sau:

Ngàn VND

Tổ chức thu xếp phát hành	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	-	1.694.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IB")	-	344.234.136
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(109.398)
TỔNG CỘNG	**-**	**2.038.124.738**
Trong đó:		
Vay dài hạn trái phiếu	-	*1.553.227.582*
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	-	*484.897.156*

19.5 *Vay dài hạn ngân hàng*

Ngàn VND

Tên ngân hàng	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*	*Mục đích vay*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	734.611.164	734.927.398	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Campuchia
TỔNG CỘNG	**997.065.769**	**997.382.003**	
Trong đó:			
Vay dài hạn	*986.506.665*	*992.100.178*	
Vay dài hạn đến hạn trả	*10.559.104*	*5.281.825*	

19. VAY (tiếp theo)

19.5 *Vay dài hạn ngân hàng* (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm*	*Nguyên tệ*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất*	*Tài sản đảm bảo*
	Ngàn VND	*USD*		*(%/năm)*	
BIDV, Chi nhánh Gia Lai					
Khoản vay ngày 1 tháng 4 năm 2010	734.611.164	31.623.382	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2019: 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, công ty con.
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)					
Khoản vay ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank hạn 13 tháng lãi trả sau + 2%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (2019: 9,80)	23,2 triệu cổ phiếu HAG sở hữu bởi Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh thuộc sở hữu của Công ty.
TỔNG CỘNG	**997.065.769**				
Trong đó:					
Vay dài hạn	*986.506.665*				
Vay dài hạn đến hạn trả	*10.559.104*				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 2.429 ha đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 9.000 ha.

19. VAY (tiếp theo)

19.6 Vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất*	*Tài sản đảm bảo*
	Ngàn VND		*%/năm*	
***Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải, công ty có cùng thành viên HĐQT** (TM số 28)*				
Khoản vay ngày 10 tháng 12 năm 2019	805.260.834	Ngày 10 tháng 6 năm 2021	10,50	Tín chấp

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Ngàn VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước					
Số đầu năm	7.671.438.950	1.064.550.810	-	1.282.228.195	10.018.217.955
Phát hành cổ phiếu phổ thông	1.197.000.000	-	-	-	1.197.000.000
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	105.576.190	-	105.576.190
Chia thù lao cho HĐQT, BKS và Ban thư ký HĐQT	-	-	-	(810.000)	(810.000)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(171.752.975)	(171.752.975)
Số cuối năm	8.868.438.950	1.064.550.810	105.576.190	1.109.665.220	11.148.231.170
Năm nay					
Số đầu năm	8.868.438.950	1.064.550.810	105.576.190	1.109.665.220	11.148.231.170
Hoán đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông (*TM số 19*)	2.217.100.000	105.576.190	(105.576.190)	-	2.217.100.000
Chia thù lao cho HĐQT, BKS và Ban thư ký HĐQT	-	-	-	(1.561.000)	(1.561.000)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(1.175.619.864)	(1.175.619.864)
Số cuối năm	11.085.538.950	1.170.127.000	-	(67.515.644)	12.188.150.306

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 *Cổ phiếu*

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
	Số lượng	*Số lượng*
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	886.843.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	886.843.895
Cổ phiếu phổ thông	*1.108.553.895*	*886.843.895*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	886.843.895
Cổ phiếu phổ thông	*1.108.553.895*	*886.843.895*

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21. DOANH THU

21.1 *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu bán trái cây	1.170.911.859	838.999.430
Doanh thu bán hàng hóa	810.887.146	373.076.632
Doanh thu bán mủ cao su	296.830.244	231.458.153
Doanh thu bán ớt	1.363.527	205.867.885
Doanh thu khác	3.724.499	11.258.159
TỔNG CỘNG	**2.283.717.275**	**1.660.660.259**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (TM số 28)	*1.546.948.265*	*493.136.350*
Doanh thu đối với bên khác	*736.769.010*	*1.167.523.909*

21.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền cho vay	696.992.261	546.962.182
Cổ tức	10.457.823	59.462.823
Lãi tiền gửi ngân hàng	110.956	876.847
Khác	4.272.809	-
TỔNG CỘNG	**711.833.849**	**607.301.852**
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (TM số 28)	*705.568.314*	*606.425.005*
Doanh thu với các bên thứ ba	*6.265.535*	*876.847*

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn trái cây đã bán	1.145.321.801	791.073.336
Giá vốn hàng hóa	747.185.295	289.738.672
Giá vốn mủ cao su đã bán	290.547.509	228.868.697
Giá vốn ớt đã bán	1.037.920	153.987.977
Giá vốn khác	4.705.180	14.272.839
TỔNG CỘNG	**2.188.797.705**	**1.477.941.521**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào các công ty con	836.687.075	-
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	633.907.437	554.862.319
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	272.722.264	214.456.986
Khác	287.737	985.137
TỔNG CỘNG	**1.743.604.513**	**770.304.442**

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**252.800.057**	**73.547.066**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.452.432	59.804.783
Chi phí nhân viên	11.333.126	10.044.865
Khác	14.499	3.697.418
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**71.431.459**	**122.182.622**
Chi phí nhân viên	23.727.950	7.583.793
Dự phòng phải thu khó đòi	15.448.274	-
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	5.010.106	6.663.933
Khác	27.245.129	107.934.896
TỔNG CỘNG	**324.231.516**	**195.729.688**

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**102.975.446**	**18.878.851**
Hoàn nhập trích trước chi phí thuế theo Nghị định 20 ("NĐ 20") *(*)*	102.388.641	-
Khác	586.805	18.878.851
Chi phí khác	**(17.494.704)**	**(14.618.286)**
Các khoản phạt	(2.279.883)	(1.466.600)
Khác	(15.214.821)	(13.151.686)
LỢI NHUẬN KHÁC	**85.480.742**	**4.260.565**

(*) Số tiền này thể hiện việc hoàn nhập chi phí dự phòng thuế TNDN được trích trước và ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp của các năm trước lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong các năm trước, do NĐ 20 mới được ban hành và Công ty cũng chưa làm việc cụ thể với các cơ quan Nhà nước, do đó theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã tạm trích trước thuế TNDN theo các hướng dẫn của Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 5 năm 2017 ("NĐ 20") để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm số tiền lãi vay phát sinh trong năm mà vượt 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong năm. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã nghiên cứu các thông tin có liên quan và quyết định hoàn nhập số tiền đã trích lập trong báo cáo tài chính tổng hợp của các năm trước.

Do Công ty phát sinh lỗ tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, nên Công ty không ghi nhận thêm chi phí thuế TNDN trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp từ việc áp dụng NĐ 20 trên.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, quy định tại Khoản 3, Điều 8 của NĐ 20 còn nhiều điểm chưa rõ, có nhiều cách hiểu khác nhau gây khó khăn trong việc áp dụng trong thực tiễn và chưa đúng bản chất của Nghị định là chống chuyển giá. Ban Giám đốc vẫn đang trao đổi và kiến nghị với Kiểm toán Nhà nước, Tổng Cục Thuế, Văn Phòng Chính phủ và Bộ Tài chính xem xét việc ban hành quy định khác thay đổi NĐ 20.

Tại ngày của báo cáo tài chính tổng hợp, NĐ 20 vẫn chưa được sửa đổi hoặc thay thế và Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan Nhà nước về vấn đề này.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	2.188.797.705	1.478.239.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.697.561	59.804.783
Chi phí nhân công	35.061.076	17.628.658
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định *(TM số 10 và 11)*	10.450.881	7.846.366
Chi phí khác	10.021.998	110.151.793
TỔNG CỘNG	**2.513.029.221**	**1.673.671.209**

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lỗ tính thuế của năm hiện tại. Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lỗ kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và thu nhập chịu thuế:

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ kế toán trước thuế	**(1.175.601.868)**	**(171.752.975)**
Các điều chỉnh:		
Chênh lệch giữa lãi suất thực tế và lãi suất danh nghĩa liên quan đến phát hành trái phiếu chuyển đổi	63.634.964	41.941.226
Chi phí không được khấu trừ	38.693.315	3.405.843
Thu nhập cổ tức	(10.457.823)	(59.462.823)
Thay đổi chi phí phải trả	(102.388.641)	92.189.223
Điều chỉnh khác	(5.513.933)	(17.241.133)
Lỗ tính thuế thuần điều chỉnh trước khi chuyển lỗ	**(1.191.633.986)**	**(110.920.639)**
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	**-**	**-**
Điều chỉnh chi phí thuế trích thiếu những năm trước	17.996	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	**17.996**	**-**
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(17.996)	-
Thuế TNDN trả trước cuối năm	**(285.831)**	**(285.831)**

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 *Thuế TNDN hoãn lại*

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.497.895.453 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 306.261.467 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Chi tiết như sau:

Ngàn VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*		*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*
2015	2020	10.097.286	*(*)*	(6.405.563)	-	3.691.723
2016	2021	191.649.105	*(*)*	-	-	191.649.105
2018	2023	110.920.639	*(**)*	-	-	110.920.639
2019	2024	1.191.633.986	*(**)*	-	-	1.191.633.986
TỔNG CỘNG		**1.504.301.016**		**(6.405.563)**	**-**	**1.497.895.453**

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(**) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 1.497.895.453 ngàn VND do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chuyển nhượng công ty con	6.993.691.293	-
		Bán hàng hóa	808.659.349	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	72.225.810	-
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	2.588.289.459	746.132.000
		Chi phí lãi vay	94.567.711	6.259.160
		Trái phiếu	-	2.217.100.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay và mượn	1.242.148.420	1.564.796.280
		Chi phí lãi vay	200.398.547	122.891.707
		Cho mượn	80.404.642	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	40.900.991	10.631.809
		Mua hàng hóa và vật tư	29.775.964	90.294.671
		Chi hộ	6.675.143	-
		Mua công cụ dụng cụ	359.015	-
		Mua tài sản	-	31.909.878
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay, mượn	628.164.138	243.600
		Lãi cho vay	70.978.210	87.700.281
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Chi hộ	500.029.652	-
		Lãi cho vay	31.203.388	1.982.056
		Mua hàng hóa	21.685.778	8.865.640
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	21.044.678	12.745.529
		Cho vay	9.263.955	389.563.000
		Cổ tức	-	49.005.000
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	385.998.939	313.527.999
		Cho vay	151.974.002	201.590.298
		Bán hàng hóa	90.458.345	39.996.482
		Lãi cho vay	27.401.490	2.878.055
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Cho vay, mượn	361.900.372	2.658.000
		Lãi cho vay	4.947.979	81.555
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	340.736.999	323.312.419
		Cho vay, mượn	330.390.239	580.863.754
		Lãi cho vay	326.865.676	204.424.983
		Bán hàng hóa	300.970.113	144.033.161
		Chi hộ	126.747.893	20.322.246
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	223.598.114	76.030.169
		Bán hàng hóa	128.789.572	1.830.653
		Chi hộ	40.696.022	-
		Cho vay	25.551.800	122.809.300
		Lãi cho vay	2.148.652	1.856.247
Bà Kiều Ngọc Hoa	Cổ đông	Vay	130.000.000	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	134.609.220	86.637.907
		Cho vay	39.130.439	58.258.633
		Bán hàng hóa	35.384.265	-
		Lãi cho vay	1.357.991	818.461
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Mua hàng hóa	123.570.560	4.751.383
		Bán hàng hóa	64.307.595	-
		Cho vay	9.294.800	-
		Chi hộ	6.733.153	-
		Lãi cho vay	700.548	-
Ông Nguyễn Anh Hòa	Cổ đông	Vay	100.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay, mượn	97.257.724	10.979.826
		Lãi cho vay	447.929	883.346
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	91.681.689	95.872.375
		Bán hàng hóa	21.108.431	19.192.912
		Lãi cho vay	20.032.127	3.444.551
		Cho vay	13.709.147	234.617.379
		Chi hộ	2.720.767	1.489.106
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	91.068.747	98.665.888
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	89.379.240	101.286.656
		Mua hàng hóa	9.072.819	-
		Chi hộ	4.424.136	-
		Cho vay	-	17.004.029
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	34.845.917	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	34.657.540	2.551.938
		Bán hàng hóa	15.559.300	5.924.175
		Lãi cho vay	11.756.006	11.400.679
		Cho vay	2.377.421	35.776.325
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	24.683.368	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp Thaco	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	21.006.127	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	18.051.258	17.013.699
		Lãi cho vay	16.822.508	21.039.424
		Mua hàng hóa	9.678.137	6.316.956
		Cho vay	8.874.886	89.147.311
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua nhiên liệu, dịch vụ	16.787.583	21.477.074
		Mua hàng hóa	16.039.844	12.603.282
		Mua tài sản, công cụ dụng cụ	788.911	-
Công ty TNHH Heng Brother	Công ty con	Mua hàng hóa	13.365.245	13.013.825
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Công ty liên kết	Cổ tức	10.457.823	10.457.823
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên Hội đồng Quản trị	Mua hàng hóa, tài sản	1.903.364	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.588.619	3.576.381
		Bán hàn hóa và cung cấp dịch vụ	583.348	4.763.129
		Vay	-	36.600.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	1.131.020	34.273.529
		Mua hàng hóa	-	72.866.328
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Mượn tiền	-	1.794.900.000
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	202.731.272
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Mượn tiền	-	11.685.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	10.500.000

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu ngắn hạn của khách hàng** (TM số 5)*				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	345.984.130	50.105.452
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	102.189.249	16.866.304
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	79.031.577	1.822.368
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa	64.315.732	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	22.887.524	-
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	18.707.431	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	16.569.731	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	14.735.425	3.424.466
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	8.965.806	10.421.131
Công ty TNHH Eastern (Campuchia)	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	4.948.622	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	580.030	4.854.442
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	186.305	186.299
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	-	1.853.648
			679.101.562	**89.534.110**

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Trả trước cho người bán ngắn hạn** (TM số 6)*				
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Mua hàng hóa	694.383.989	108.870.177
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	480.182.096	429.696.198
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	510.484.660	5.034.304
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	86.888.838	12.357.199
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	54.285.631	-
Công Ty Cổ Phần Bò Sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	51.704.303	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	28.257.752	53.568.377
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	20.719.486	29.894.388
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	5.434.295	70.348.150
Công ty TNHH Eastern (Campuchia)	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	3.351.521	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	120.773.266
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	31.086.669
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	862.509
			1.935.692.571	**862.491.237**

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu về cho vay ngắn hạn *(TM số 7) (*)*				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	351.399.356	596.647.864
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cho vay	151.974.002	201.590.298
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	13.709.147	234.617.379
Công Ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cho vay	9.294.800	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	9.263.955	363.487.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	8.077.420	35.776.325
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Cho vay	-	122.809.300
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Cho vay	-	89.147.311
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Cho vay	-	58.258.633
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	-	57.254.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	-	49.283.000
			543.718.680	**1.808.871.110**

(*) Cho vay ngắn hạn bên liên quan thể hiện khoản cho vay tín chấp với thời hạn hoàn trả đến hết tháng 12 năm 2019 và với lãi suất trung bình từ 8% đến 12%/năm.

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu ngắn hạn khác** (TM số 8)*				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cấn trừ công nợ	650.642.869	470.735.574
		Chi hộ	150.845.204	24.097.310
		Lãi cho vay	58.734.405	4.481.542
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cấn trừ công nợ	603.251.372	596.859.667
		Cổ tức phải thu	-	19.507.500
		Chi hộ	-	6.391.704
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cấn trừ công nợ	76.445.328	2.987.911
		Chi hộ	-	4.340.438
		Lãi cho vay	-	2.878.055
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cấn trừ công nợ	65.269.198	23.404.454
		Lãi cho vay	2.988.881	236.003
		Chi hộ	5.325	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cấn trừ công nợ	25.244.379	2.234.965
		Chi hộ	9.537.776	-
		Lãi cho vay	414.192	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	20.447.336	3.444.551
		Cấn trừ công nợ	9.884.628	-
		Chi hộ	3.468.231	747.464
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cấn trừ công nợ	15.192.236	12.961.939
		Chi hộ	4.424.136	5.406.430
		Lãi cho vay	2.122.671	683.685
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	7.505.153	1.771.999
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	2.494.078	1.148.217
		Chi hộ	47.736	-
Công ty TNHH MTV CRD	Công ty con	Chi hộ	2.182.352	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho mượn	680.800	680.800
		Chi hộ	-	2.065.085
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Chi hộ	140.205	1.010.529
		Lãi cho vay	-	818.461
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	132.313	-
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Cấn trừ công nợ	-	38.415.501
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Cấn trừ công nợ	-	12.675.327
		Lãi cho vay	-	1.856.247

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu ngắn hạn khác** (TM số 8)* (tiếp theo)				
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-	428.291
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty trong cùng Tập đoàn	Khác	-	250.000
			1.712.100.804	**1.242.519.649**
***Phải thu về cho vay dài hạn** (*)*				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.626.284.434	3.051.928.803
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	848.702.593	799.419.593
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	805.908.354	748.654.354
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	735.649.043	735.539.043
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	389.563.000	26.076.000
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	234.617.379	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cho vay	201.590.298	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	120.383.980	90.307.655
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Cho vay	41.100.502	2.658.000
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Cho vay	-	173.395.050
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Cho vay	-	15.445.826
			7.003.799.583	**5.643.424.324**

(*) Cho vay dài hạn các bên liên quan thể hiện các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 3 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026 và với lãi suất trung bình từ 7,2% đến 12%/năm.

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu dài hạn khác** (TM số 8)*				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	896.056.291	624.113.583
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	413.033.795	342.055.585
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	340.592.126	259.598.820
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	169.310.117	250.757.791
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cấn trừ công nợ Lãi cho vay	158.156.506 3.029.342	- -
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	25.621.550	16.618.423
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Lãi cho vay	5.029.534	81.555
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	4.191.897	210.057
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-	10.280.400
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-	1.654.228
			2.015.021.158	**1.505.370.442**

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải trả người bán ngắn hạn** (TM số 14)*				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và vật tư	186.130.214	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua trái cây	91.845.863	-
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua trái cây	73.677.590	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa và dịch vụ	42.820.770	42.062.001
Công Ty TNHH MTV Cơ Khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua vật tư	18.284.792	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	12.439.480	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Mua hàng hóa	9.043.648	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông Nghiệp Thaco	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và vật tư	6.080.000	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	4.594.071	2.412.876
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua tài sản	1.994.000	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải trả người bán ngắn hạn** (TM số 14)* (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Sản xuất linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua vật tư	186.340	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	29.388	3.934.019
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	5.562.560
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	-	24.701.887
			447.126.156	**78.673.343**
***Người mua trả tiền trước ngắn hạn** (TM số 15)*				
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	407.868.003	49.176.800
Công ty Cổ phần Sản xuất và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Tạm ứng mua hàng hóa	38.138.627	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Tạm ứng mua vật tư	-	36.074.952
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	-	4.446.002
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	-	1.179.412
			446.006.630	**90.877.166**

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Chi phí phải trả ngắn hạn** (TM số 16)*				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	27.165.722	10.743.251
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Chi phí lãi vay	5.172.790	6.259.160
			32.338.512	**17.002.411**
***Chi phí phải trả dài hạn** (TM số 16)*				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	-	86.146.259
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Chi phí lãi vay	4.633.007	-
			4.633.007	**86.146.259**
***Phải trả ngắn hạn khác** (TM số 17)*				
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cấn trừ công nợ	170.578.561	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cấn trừ công nợ	20.359.843	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Mượn tiền	11.685.000	11.685.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mượn tiền	138.581	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Mượn tiền	-	136.000.000
			202.761.985	**147.685.000**
***Phải trả dài hạn khác** (TM số 17)*				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cấn trừ công nợ	754.133.163	619.421.352
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cấn trừ công nợ	-	275.450.168
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cấn trừ công nợ	-	78.933.111
			754.133.163	**973.804.631**

28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Vay ngắn hạn** (TM số 19.1)*				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	1.877.207.456	983.468.000
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	897.464.626	746.132.000
		Trái phiếu chuyển đổi	-	2.216.880.000
Bà Kiều Ngọc Hoa	Cổ đông	Vay ngắn hạn	50.000.000	-
			2.824.672.082	**3.946.480.000**
***Vay dài hạn** (TM số 19.6)*				
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay dài hạn	805.260.834	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	-	2.314.922.876
			805.260.834	**2.314.922.876**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lương, thù lao và thưởng	3.938.000	3.761.000

29. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường HAGL có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

(a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;

(b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;

(c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;

(d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL; và

(e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tố tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan thuế địa phương để xác định khoản nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh (nếu có) liên quan đến chuyển nhượng Nhóm công ty Mía đường nêu trên.

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 5 tháng 2 năm 2020, Công ty đã mua thêm toàn bộ 35.900.000 cổ phiếu được phát hành mới từ Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk ("Hoàng Anh Đắk Lắk"), với giá trị là 359.000.000 ngàn VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0901/20/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 9 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Hoàng Anh Đắk Lắk từ 99,53% lên 99,78% tại ngày này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Trương Thị Trúc Thiên Trang	Phạm Xuân Hòa	Võ Thị Mỹ Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2020